TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HS-ST
Ngày: 06 – 9 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;

Ông Nguyễn Đức Nhuận.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đậu Thị Loan – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 154/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phan Anh T, sinh năm 1997 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm A, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn D, sinh năm 1968 và bà Lê Thị T, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2017 cho đến nay.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1994 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm A, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Phan Thị T, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 25/7/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh.

Các bị cáo có mặt.

- Bị hại:

Ông Lê Văn Q, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Xuân H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: khu phố A, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Ông Lê Vạn T; nơi cư trú: khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng*:

Bà Lang Thị Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm A, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26-8-2017, D điều khiển xe mô tô biển số 59G1-152.90 chở T đến quán ốc thuộc địa bàn phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để uống bia. Trong lúc uống bia, D gặp ông Lê Văn Q đang uống bia cùng bạn gái là bà Lang Thị Đ, D làm quen với Q do là người đồng hương tỉnh Hà Tĩnh, D mời ông Q đi qua bàn cùng uống bia với T và D.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 18H1-071.52 đi về hướng ngã tư khu phố Đ, phường B và dừng xe trước quán bida N để nghe điện thoại di động. Lúc này D điều khiển xe mô tô biển số 59G1-152.90 chở T đi về phòng trọ thì nhìn thấy Q nên T kêu D dừng xe lại để T đánh Q vì trong lúc uống bia Q nói chuyện làm T bực tức. D dừng xe lại, Q nhìn thấy D và T dừng xe nên điều khiển xe đến xuống xe bắt tay T thì bất ngờ bị T dùng tay đánh vào mặt, dùng chân đá vào người, D dừng xe đứng bên cạnh nhìn thấy sự việc nhưng không can ngăn, bà Đ (bạn của Q) từ nhà nghỉ Đ chạy ra nhìn thấy T đánh Q nên la lên can ngăn thì bị T đe dọa đánh. Q bị T đánh nên bỏ lại xe đi bộ vào lề đường ngồi cách vị trí xe khoảng 05 mét, T nhìn thấy xe mô tô của Q còn gắn chìa khóa, máy đang nổ nên T lấy xe mô tô của Q điều khiển đi về hướng ngã tư L, quận T, D điều khiển xe đi sau. Đi được một đoạn, D điều khiển xe đi đón Bình (không rõ lai lịch) là bạn gái của T, còn T mang xe mô tô của Q gửi vào bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa H xong điện thoại cho D chở Bình đến rồi cả 3 người cùng thuê nhà nghỉ gần Bệnh viện để ngủ.

Đến sáng ngày 27-8-2017, Q điện thoại cho T để lấy lại xe, T kêu Q chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của T nhưng T không cung cấp số tài khoản cho Q do sợ bị phát hiện. D nói với T mang xe đi trả cho Q, T trả lời kệ nó đi và nhờ D tìm nơi để cất giấu xe mô tô của Q nhằm mục đích chiếm đoạt

nên D điện thoại cho em rể là ông Trần Xuân H sinh năm 1990, tạm trú: khu phố A, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh để gửi xe, ông H đồng ý. Sau khi gửi được xe tại nhà trọ của H, D điều khiển xe mô tô biển số 59G1-152.90 chở T đi về phòng trọ tại khu phố Đ, phường B thì bị Công an phường B mời làm việc. Tại cơ quan Công an, D, T thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận nơi cất giữ xe mô tô biển số 18H1-071.52.

Theo Bản kết luận định giá ngày 08-9-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 18H1-071.52 trị giá 19.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 165/CT-VKS-TA ngày 16 – 8 – 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phan Anh T về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phan Anh T và Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Quang V khai hiện nay không liên lạc được với ông T (là người đứng tên đăng ký xe mô tô mang biển số 59G1-152.90) và không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh việc nhờ ông T đứng tên đăng ký dùm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Ông Trần Xuân H xác định không biết chiếc xe mô tô các bị cáo gửi là do phạm tội mà có, khi tiến hành khám xét không thu giữ tài sản gì của mình nên không có yêu cầu.

Vị đại D Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 137; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phan Anh T mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Xử lý vật chứng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Phan Anh T, Nguyễn Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều, lời khai của bị hại, phù hợp các chứng cứ, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá, kết luận giám định có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 26-8-2017, tại đoạn đường thuộc khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Anh T lợi dụng lúc ông Lê Văn Q không có khả năng ngăn cản, bảo vệ được tài sản nên đã lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 18H1-071.52 của ông Q. Theo định giá thì chiếc xe này trị giá 19.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Phan Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Nguyễn Văn D biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 18H1-071.52 là tài sản do bị cáo Phan Anh T chiếm đoạt trái phép của ông Q mà có nhưng vẫn giúp T tìm nơi cất giấu, do đó hành vị của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo T thực hiện trước ngày 01-01-2018, theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định khung hình phạt cao hơn khung hình phạt của khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo thì tội danh, hình phạt đối với bị cáo T được áp dụng theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì mục đích tham lam, muốn có tài sản sử dụng, bị cáo vẫn cố tình thực hiện, lợi dụng chủ sở hữu không có khả năng ngăn cản, bảo vệ được tài sản của mình, bị cáo đã công khai chiếm đoạt tài sản của họ. Bị cáo D biết được việc chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, trật tự công cộng, gây cản trở cho công tác điều tra, xử lý, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với

hành vi, nhân thân của các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; ông ngoại của bị cáo T có công với Nhà nước, được tặng Bằng khen vì có thành tích tham gia trong kháng chiến chống Pháp là tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Lời đề nghị mức hình phạt của đại D Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là nghiêm khắc nên cần xử phạt mức thấp hơn.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô 02 bánh (kiểu dáng WAVE), nhãn hiệu Honda, số loại: HC120 WAVE (Anpha), dung tích xilanh: 97cm^3, mang biển số 59G1-152.90, do ông Lê Vạn T đứng tên đăng ký. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã tiến hành xác minh nhưng ông T hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Bị cáo D khai nhận chiếc xe trên là bị cáo mượn của ông Nguyễn Quang V, ông V cho rằng do không có sổ hộ khẩu nên nhờ ông T đứng tên nên ông V yêu cầu nhận lại xe này nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình. Cơ quan Công an đã thông báo trên Đài phát thanh – Truyền hình Bình Dương nhưng đến nay vẫn không có người đến liên hệ giải quyết, do đó cần giao cho Công an thị xã Thuận An tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh model 100 của bị cáo T, đây là công cụ bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

+ 01 xe mô tô biển số 18H1-071.52 là tải sản của ông Lê Văn Q, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 137; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; khoản 1

Điều 172 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Anh T.

- Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

- Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố:

Bị cáo Phan Anh T phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản";

Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội ''Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Xử phạt bị cáo Phan Anh T 01 (một) năm 09 (chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 28-8-2017.

Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phan Anh T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28-8-2017 đến ngày 25-7-2018 (thời hạn tù bằng thời hạn đã tạm giam, bị cáo đã chấp hành xong).

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh model 100.

- Giao cho Công an thị xã Thuận An 01 xe mô tô biển số 59G1-152.90 kiểu dáng WAVE, nhãn hiệu HonDa, số loại: HC120 WAVE (Anpha), đề dung tích xilanh: 97cm3, số khung: RLHHC1204BY119221; số máy: HC12E-2919247 để xử lý theo thẩm quyền.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-4-2018 giữa Công an thị xã Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An).

3. Về án phí: Các bị cáo Phan Anh T, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

Phạm Anh Thi

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 31 tháng 8 năm 2018;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Anh Thi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;

Ông Nguyễn Đức Nhuận.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 153/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo: Phan Anh T, sinh năm 1997 tại tỉnh Hà Tĩnh cùng đồng phạm.

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 236 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên thu thập; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp; hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

2. Trách nhiệm hình sự:

- Về tội danh:

Bị cáo Phan Anh T phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản";

Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội ''Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

- Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 137; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Anh T.

- Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

- Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

- Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Anh T 01 (một) năm 09 (chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 28-8-2017.

Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phan Anh T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28-8-2017 đến ngày 25-7-2018 (thời hạn tù bằng thời hạn đã tạm giam, bị cáo đã chấp hành xong).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh model 100.

Giao cho Công an thị xã Thuận An 01 xe mô tô biển số 59G1-152.90 kiểu dáng WAVE, nhãn hiệu HonDa, số loại: HC120 WAVE (Anpha), đề dung tích xilanh: 97cm3, số khung: RLHHC1204BY119221; số máy: HC12E-2919247 để xử lý theo thẩm quyền.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-4-2018 giữa Công an thị xã Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

4. Các vấn đề khác:

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000[đ].

- Về quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo luật định.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi …… giờ …… phút ngày……..

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Thi